

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ -ST

Ngày 11/7/2018

V/v tranh chấp Ly hôn - ST

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu;

2. Ông Phạm Đức Hiển;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Vũ Đức Đ, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày:**

Chị và anh Vũ Đức Đ kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/01/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng quan điểm sống với nhau. Vợ chồng tính tình trẻ con, lại chưa có con chung nên thường xuyên cãi chửi nhau. Anh Đ là người đàn ông cọc cằn, thô lỗ, không bao giờ quan tâm đến ý kiến của bất kỳ ai. Gia đình hai bên cũng đã kết hợp bảo ban, động viên nhưng mâu thuẫn tồn tại giữa chị và anh Đ không thể nào giải quyết được. Tình trạng vợ chồng ngày càng xấu đi. Từ tháng 02/2016 chị đã về nhà bố mẹ để ở thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung; không vay nợ gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ gì. Ruộng cấy cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 04/6/2018 bị đơn là anh Vũ Đức Đ trình bày:**

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh T đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận. Nhưng đến khi chị T đi làm thì thường xuyên nói dối anh dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Quan điểm sống của anh và chị T cũng không hòa hợp. Nay chị T xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn để chị T kết hôn với người khác.

Về con chung và quan hệ tài sản: Anh Đ cũng xác định anh và chị T không có con chung, cũng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1975 (Bố đẻ chị Nguyễn Thị Quỳnh T) . Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:**

Về quá trình kết hôn, thời điểm và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Đ đúng như chị T đã trình bày. Gia đình hai bên cũng đã kết hợp bảo ban, động viên nhưng mâu thuẫn giữa hai anh chị không giải quyết được. Từ tháng 02/2016, chị T đã về gia đình ông ở thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Chị T, anh Đ sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ thời gian đó. Nay chị

T xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị T để chị T được ly hôn anh Đ.

Về con chung và quan hệ tài sản: Ông T cũng trình bày như lời trình bày của chị T.

*** Tại Biên bản làm việc với ông Đặng Quý T - Trưởng thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, thể hiện:**

Anh Đ hiện không có việc làm ổn định, thường xuyên vắng nhà vào giờ hành chính. Bố đẻ anh Đ đã chết, mẹ đẻ đang làm công nhân ở Thành phố T. Anh Đ có 01 người em gái nhưng hiện đang đi học ở Hà Nội. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ, anh Đ đã có bản tự khai thể hiện quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh. Tuy nhiên, anh Đ không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho anh Đ theo đúng quy định của pháp luật, ông T sẽ nhận thay anh Đ các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ giao lại tận tay các văn bản của Tòa án ngay cho anh Đ.

*** Qua xác minh với UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/6/2018 thì thấy:**

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị T và anh Đ như anh chị đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh Đ ở thôn T, xã T được một thời gian rất ngắn thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai anh chị tuổi đời còn trẻ nhưng lại cố chấp, không cố gắng thay đổi bản thân. Vì vậy mà vợ chồng không thể hòa hợp được. Anh Đ là người nóng nảy, thô lỗ. Mặt khác, mâu thuẫn còn phát sinh do kinh tế gia đình anh Đ lâm vào tình trạng khó khăn nhưng anh Đ lại không tu chí làm ăn. Khi anh chị bất hòa, địa phương cũng đã hòa giải, can thiệp nhưng không được bao lâu thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Chị T hiện đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nay chị T xin ly hôn anh Đ, địa phương xét thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản: Địa phương cũng cung cấp như lời trình bày của chị T, anh Đ.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ **Quan hệ hôn nhân:** Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T được ly hôn anh Vũ Đức Đ.

+ **Quan hệ con chung:** Chị T, anh Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ **Quan hệ tài sản:** Chị T, anh Đ không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

+ **Án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Vũ Đức Đ kết hôn ngày 15/01/2016 đăng ký tại trụ sở UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng còn quá trẻ, lại bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau và kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng anh Đ không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không thông cảm cho nhau và cũng không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ từ 02/2016 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó. Khi chị T khởi kiện xin ly hôn anh Đ, anh Đ đã đến Tòa án viết bản tự khai và thể hiện quan điểm anh đồng ý ly hôn chị T.

Tòa án đã triệu tập anh Đ tham gia phiên họp Tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy anh Đ không còn thiết tha gì với cuộc hôn nhân này và cũng không mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình cũng khẳng định giữa chị T và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2] Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Vũ Đức Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Vũ Đức Đ không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T được ly hôn anh Vũ Đức Đ.

2. Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Vũ Đức Đ không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T và anh Vũ Đức Đ không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0002xxx ngày 01/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt chị T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Vắng mặt anh Vũ Đức Đ báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả của bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D huyện V;
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện V;
- Các Đương sự;
- UBND xã T, huyện V ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)